

Số: 15/2024/QĐST-HNGĐ

Tiểu Cần, ngày 23 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Thạch Chom R**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị **Kim Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Thạch Chom R với chị Kim Thị T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch Chom R và chị Kim Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Kim Thị Trà M, sinh ngày 22/11/2020 cho anh R được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ một tháng là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tính từ ngày 15/11/2024.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản chung:** Anh R và chị T không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh R và chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình là: 150.000 đồng, anh R và chị T mỗi người phải chịu là 75.000 đồng, anh R tự nguyện chịu thay án phí cho chị T. Do đó anh R phải chịu là 150.000 đồng.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con là: 150.000 đồng, chị T phải chịu toàn bộ nhưng anh R tự nguyện chịu thay án phí cho chị T.

Do đó anh R phải chịu tổng cộng là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006272, ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; anh R đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã P (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/6/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân

